

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 66 /SAVINA/CV/2018

V/v: Công bố thông tin BCTC giữa niên độ
năm 2018

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Kính gửi:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán : VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tiến Bình
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố: BCTC giữa niên độ năm 2018 đã kiểm toán
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC



Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 37

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty"), tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 23 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Bà Mai Hương Nội	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Xiêm	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cao Tiến Bình	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2018
Ông Lê Thăng Long	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến ngày 16 tháng 5 năm 2018 là Ông Lê Thăng Long. Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 17 tháng 5 năm 2018 đến hết kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Cao Tiến Bình, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

Cao Tiên Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 61306203/20408698/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 13 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		717.414.989.377	710.916.681.887
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	2.132.255.161	88.213.533.589
111	1. Tiền		2.132.255.161	77.713.533.589
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	127.500.000.000	53.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		127.500.000.000	53.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		579.679.586.640	561.871.164.948
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	5.628.946.246	7.198.716.341
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	2.032.885.356	680.687.091
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	550.000.000.000	550.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	22.015.016.798	3.991.761.516
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.738.240	-
140	IV. Hàng tồn kho		8.103.147.576	7.331.983.350
141	1. Hàng tồn kho	9	8.103.147.576	7.331.983.350

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		36.343.322.622	37.582.022.143
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		135.000.000	135.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	135.000.000	135.000.000
220	II. Tài sản cố định		8.596.290.885	9.038.294.055
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	8.439.407.690	8.858.264.162
222	Nguyên giá		21.150.060.896	18.833.099.502
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.710.653.206)	(9.974.835.340)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	156.883.195	180.029.893
228	Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(74.583.805)	(51.437.107)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	11.806.342.711	12.542.839.054
231	1. Nguyên giá		30.568.731.091	32.885.692.485
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(18.762.388.380)	(20.342.853.431)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.000.000.000	6.000.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	6.000.000.000	6.000.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	14	9.427.342.680	9.427.342.680
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.1	3.272.500.000	3.272.500.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.2	15.340.360.000	15.340.360.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14	(9.185.517.320)	(9.185.517.320)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		378.346.346	438.546.354
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		378.346.346	438.546.354
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		753.758.311.999	748.498.704.030

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.764.826.513	22.732.163.293
310	I. Nợ ngắn hạn		12.038.306.513	22.156.943.293
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	6.906.501.467	9.546.131.450
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		11.000	598.180.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.059.912.100	111.705.501
314	4. Phải trả người lao động		-	702.951.997
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		190.150.000	135.600.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	738.339.593	592.025.038
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.143.392.353	10.470.349.307
330	II. Nợ dài hạn		726.520.000	575.220.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	726.520.000	575.220.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		740.993.485.486	725.766.540.737
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	740.993.485.486	725.766.540.737
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.821.151.584	71.821.151.584
421	3. Lỗ lũy kế		(9.927.266.098)	(25.154.210.847)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(25.154.210.847)	(52.458.702.322)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		15.226.944.749	27.304.491.475
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		753.758.311.999	748.498.704.030

Nguyễn Thị Minh
Người lập

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	14.663.791.711	12.532.960.142
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	(3.288.428)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	14.663.791.711	12.529.671.714
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(9.354.384.280)	(8.847.414.254)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.309.407.431	3.682.257.460
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	24.742.395.845	21.235.360.660
22	7. Chi phí tài chính		(13.786.902)	(13.719.489)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay			-
25	8. Chi phí bán hàng	22	(2.813.551.103)	(3.221.108.101)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(9.995.454.646)	(9.649.520.786)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.229.010.625	12.033.269.744
31	11. Thu nhập khác		63.674.879	401.507.201
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		63.674.879	401.507.201
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.292.685.504	12.434.776.945
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	(2.065.740.755)	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		15.226.944.749	12.434.776.945
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	224	183


Nguyễn Thị Minh
Người lập


Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng


C.T. Cao Tiên Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		17.292.685.504	12.434.776.945
02	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11, 12	1.178.499.513	1.190.592.279
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(24.742.395.845)	(21.235.360.660)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.271.210.828)	(7.609.991.436)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		141.732.932	(2.179.047.241)
10	Tăng hàng tồn kho		(771.164.226)	(1.266.839.059)
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(11.785.785.162)	(43.662.916.199)
12	Giảm chi phí trả trước		60.200.008	26.320.509
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(247.292.373)	(1.563.528.265)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(18.873.519.649)	(56.256.001.691)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.500.000.000)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(647.500.000.000)	(13.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		573.500.000.000	56.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.792.241.221	21.541.275.661
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(67.207.758.779)	63.041.275.661
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(86.081.278.428)	6.785.273.970
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		88.213.533.589	99.596.238.006
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	2.132.255.161	106.381.511.976



Nguyễn Thị Minh
Người lập



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng




Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty"), tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 23 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 60 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 63 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 39 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm
Phương tiện vận tải	5 – 12 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 - 39 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 19 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc kinh doanh sách và cho thuê bất động sản đầu tư. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chủ yếu hoạt động trong khu vực kinh doanh là lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	51.972.612	79.447.947
Tiền gửi ngân hàng (i)	2.080.282.549	77.634.085.642
Các khoản tương đương tiền	-	10.500.000.000
TỔNG CỘNG	2.132.255.161	88.213.533.589

(i) Số dư đầu kỳ chủ yếu là khoản tiền thu được từ việc bán cổ phần trong tài khoản phong tỏa. Công ty đã nhận được Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm chính thức trở thành công ty cổ phần, số tiền thuộc tài khoản phong tỏa này đã được chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất 6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2017: từ 5,5%/năm đến 6,1%/năm).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu từ khách hàng	745.618.503	2.475.288.097
Công ty TNHH In và Thương mại Ba Sao	-	774.053.500
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	-	322.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại và Dịch vụ Lộc Việt	-	270.500.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	745.618.503	1.108.734.597
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	4.883.327.743	4.723.428.244
TỔNG CỘNG	5.628.946.246	7.198.716.341
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho người bán	2.032.885.356	680.687.091
Trung tâm Dịch thuật Dịch vụ Văn hóa và Khoa học công nghệ	675.687.091	675.687.091
Nhà xuất bản Cengage Learning	1.254.741.065	-
Các đối tượng khác	102.457.200	5.000.000
TỔNG CỘNG	2.032.885.356	680.687.091

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Các khoản cho đối tác doanh nghiệp vay (i)	550.000.000.000	550.000.000.000
TỔNG CỘNG	550.000.000.000	550.000.000.000

(i) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay với kỳ hạn 12 tháng, bắt đầu từ ngày 17 tháng 1 năm 2018, hưởng lãi suất từ 8%/năm và không có tài sản đảm bảo.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu lãi cho vay	21.857.567.123	-	3.907.412.499	-
Tạm ứng cho nhân viên	36.781.000	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	120.668.675	-	84.349.017	-
TỔNG CỘNG	22.015.016.798	-	3.991.761.516	-
Dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	135.000.000	-	135.000.000	-
TỔNG CỘNG	135.000.000	-	135.000.000	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	7.687.129.393	-	7.331.983.350	-
Nguyên vật liệu	416.018.183	-	-	-
TỔNG CỘNG	8.103.147.576	-	7.331.983.350	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu kỳ	14.800.560.239	3.119.015.082	913.524.181	18.833.099.502
Tăng khác thuần(*)	2.316.961.394	-	-	2.316.961.394
Số cuối kỳ	17.117.521.633	3.119.015.082	913.524.181	21.150.060.896
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu kỳ	6.565.982.857	2.729.442.817	679.409.666	9.974.835.340
Khấu hao trong kỳ	397.584.285	75.534.618	32.934.930	506.053.833
Tăng khác thuần(*)	2.229.764.033	-	-	2.229.764.033
Số cuối kỳ	9.193.331.175	2.804.977.435	712.344.596	12.710.653.206
Giá trị còn lại:				
Số đầu kỳ	8.234.577.382	389.572.265	234.114.515	8.858.264.162
Số cuối kỳ	7.924.190.458	314.037.647	201.179.585	8.439.407.690

(*) Trong kỳ, Công ty phân loại lại một số tài sản theo mục đích sử dụng như sau:

- ▶ Một phần giá trị tài sản của tòa nhà 22A Hai Bà Trưng không còn sử dụng cho thuê được phân loại từ bất động sản đầu tư sang tài sản cố định hữu hình với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tương ứng là 3,8 tỷ VND và 2,9 tỷ VND; và
- ▶ Một phần giá trị tài sản của tòa nhà 44 Tràng Tiền sử dụng cho thuê được phân loại từ tài sản cố định hữu hình sang bất động sản đầu tư với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tương ứng là 1,5 tỷ VND và 0,7 tỷ VND.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá:	
Số đầu kỳ	231.467.000
Tăng trong kỳ	-
Số cuối kỳ	231.467.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu kỳ	51.437.107
Hao mòn trong kỳ	23.146.698
Số cuối kỳ	74.583.805
Giá trị còn lại:	
Số đầu kỳ	180.029.893
Số cuối kỳ	156.883.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu kỳ	29.564.429.606	3.321.262.879	32.885.692.485
Giảm khác thuần (Thuyết minh số 10)	(2.316.961.394)	-	(2.316.961.394)
Số cuối kỳ	27.247.468.212	3.321.262.879	30.568.731.091
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu kỳ	17.453.154.801	2.889.698.630	20.342.853.431
- Khấu hao trong kỳ	572.491.542	76.807.440	649.298.982
- Giảm khác thuần (Thuyết minh số 10)	(2.229.764.033)	-	(2.229.764.033)
Số cuối kỳ	15.795.882.310	2.966.506.070	18.762.388.380
Giá trị còn lại:			
Số đầu kỳ	12.111.274.805	431.564.249	12.542.839.054
Số cuối kỳ	11.451.585.902	354.756.809	11.806.342.711

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần các tòa nhà tại số 44 Phố Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm; số 22B Phố Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm; Kho Bãi Chám tại Huyện Đông Anh và số 2 Dịch Vọng Phố Chùa Hà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội đang được Công ty sử dụng để cho thuê.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 do các bất động sản này không được giao dịch thường xuyên trên thị trường.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dự án 22A Hai Bà Trưng (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
TỔNG CỘNG	6.000.000.000	6.000.000.000

(*) Đây là chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án bất động sản tại khu đất số 22A Phố Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Giá gốc	Dự phòng (ii)	Giá trị ghi sổ (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (i)
Đầu tư vào công ty liên kết	3.272.500.000	-	3.272.500.000	3.272.500.000	-	3.272.500.000
Đầu tư vào đơn vị khác	15.340.360.000	(9.185.517.320)	6.154.842.680	15.340.360.000	(9.185.517.320)	6.154.842.680
TỔNG CỘNG	18.612.860.000	(9.185.517.320)	9.427.342.680	18.612.860.000	(9.185.517.320)	9.427.342.680

(i) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các cổ phiếu này chưa được giao dịch trên thị trường chứng khoán.

(ii) Đây là khoản dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc (Thuyết minh số 14.2).

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	35	35	35	35

Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104209630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 10 năm 2009. Công ty này sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 2 được cấp ngày 19 tháng 8 năm 2014. Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam có tổng số vốn điều lệ là 8,5 tỷ VND, trong đó Công ty nắm giữ 35% phần vốn chủ sở hữu. Hoạt động chính của công ty này là in ấn. Trụ sở chính của công ty này đặt tại số 22B, Phố Hai Bà Trưng, Phường Trảng Tiễn, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

14.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Ngành nghề	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc	Kinh doanh khách sạn	15,2	15,2	15,2	15,2

Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 524/GCNDĐC3/01/1 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 2 năm 1993. Công ty này sau đó cũng nhận được các Giấy phép Đầu tư sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất vào ngày 31 tháng 8 năm 2012. Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc có tổng vốn điều lệ 6.804.000 USD. Hoạt động chính của Công ty này là kinh doanh dịch vụ khách sạn. Công ty có trụ sở chính tại số 23 Phố Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	6.906.501.467	6.906.501.467	9.457.075.450	9.457.075.450
- Công ty TNHH Thương mại Nhất Thống	-	-	814.964.736	814.964.736
- Công ty TNHH In và Thương mại Ba Sao	2.707.870	2.707.870	1.056.110.020	1.056.110.020
- Phải trả đối tượng khác	6.903.793.597	6.903.793.597	7.586.000.694	7.586.000.694
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	-	89.056.000	89.056.000
TỔNG CỘNG	6.906.501.467	6.906.501.467	9.546.131.450	9.546.131.450

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.065.740.755	(247.292.373)	1.818.448.382
Thuế thu nhập cá nhân	64.997.969	143.802.752	(144.929.358)	63.871.363
Thuế giá trị gia tăng	46.707.532	335.972.384	(205.087.561)	177.592.355
Thuế khác	-	51.297.666	(51.297.666)	-
TỔNG CỘNG	111.705.501	2.596.813.557	(648.606.958)	2.059.912.100

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Doanh thu chưa thực hiện từ cho thuê nhà và cho thuê đất	738.339.593	592.025.038
TỔNG CỘNG	738.339.593	592.025.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Ngắn hạn		
Phải trả cổ phần hóa (i)	-	7.646.389.847
Đặt cọc chuyển nhượng khoản đầu tư (ii)	2.000.000.000	2.000.000.000
Nhận đặt cọc thuê văn phòng	62.800.000	340.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	80.592.353	483.959.460
TỔNG CỘNG	2.143.392.353	10.470.349.307
Dài hạn		
Nhận đặt cọc thuê văn phòng	726.520.000	575.220.000
	726.520.000	575.220.000
TỔNG CỘNG	2.869.912.353	11.045.569.307

(i) Số dư đầu kỳ là khoản phải nộp Nhà nước theo Quyết định số 891/QĐ-BVHTTDL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Vào ngày 4 tháng 6 năm 2018, Công ty đã chuyển trả toàn bộ số tiền này cho Tổng công ty quản lý vốn nhà nước (SCIC).

(ii) Đây là khoản tiền đặt cọc từ một đối tác doanh nghiệp để nhận chuyển nhượng một khoản đầu tư của Công ty.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lũy kế	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017	679.099.600.000	71.791.507.009	(46.954.854.871)	703.936.252.138
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	12.434.776.945	12.434.776.945
- Tăng khác	-	-	815.097.916	815.097.916
- Giảm khác	-	-	(397.194.702)	(397.194.702)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	679.099.600.000	71.791.507.009	(34.102.174.712)	716.788.932.297

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Vào ngày 1 tháng 1 năm 2018	679.099.600.000	71.821.151.584	(25.154.210.847)	725.766.540.737
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	15.226.944.749	15.226.944.749
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	679.099.600.000	71.821.151.584	(9.927.266.098)	740.993.485.486

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017			Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	
Vốn cổ phần của Nhà nước	67.909.960.000	67.909.960.000	-	67.909.960.000	67.909.960.000	-	-
Vốn cổ phần của Tập đoàn	443.642.740.000	443.642.740.000	-	443.642.740.000	443.642.740.000	-	-
Vingroup – Công ty CP	167.546.900.000	167.546.900.000	-	167.546.900.000	167.546.900.000	-	-
Vốn cổ phần của cổ đông khác	71.821.151.584	71.821.151.584	-	71.821.151.584	71.821.151.584	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	750.920.751.584	750.920.751.584	-	750.920.751.584	750.920.751.584	-	-
TỔNG CỘNG	750.920.751.584	750.920.751.584	-	750.920.751.584	750.920.751.584	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	679.099.600.000	679.099.600.000
Điều chỉnh sau cổ phần hóa	-	-
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	679.099.600.000	679.099.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành, đã phát hành và đang được lưu hành	67.909.960	679.099.600.000	67.909.960	679.099.600.000
Cổ phiếu phổ thông	67.909.960	679.099.600.000	67.909.960	679.099.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2017: 10.000 VND/cổ phiếu).

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tổng doanh thu	14.663.791.711	12.532.960.142
Trong đó:		
Doanh thu từ bán hàng hóa	9.134.546.503	6.154.849.291
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê văn phòng	5.529.245.208	6.378.110.851
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(3.288.428)
Doanh thu thuần	14.663.791.711	12.529.671.714
Trong đó:		
Doanh thu từ bán hàng hóa	9.134.546.503	6.151.560.863
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê văn phòng	5.529.245.208	6.378.110.851
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	12.632.866.239	10.608.155.612
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 25)	2.030.925.472	1.921.516.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lãi tiền gửi	2.933.118.220	1.138.749.548
Lãi cho vay	21.357.077.625	20.096.611.112
Cổ tức	452.200.000	-
TỔNG CỘNG	24.742.395.845	21.235.360.660

20.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	5.529.245.208	6.378.110.851
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	2.472.870.572	4.362.949.553

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.881.513.708	4.484.464.701
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	2.472.870.572	4.362.949.553
TỔNG CỘNG	9.354.384.280	8.847.414.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên	2.336.201.643	2.928.146.793
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.171.145	196.599.297
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	30.279.751	95.430.346
- Chi phí bán hàng khác	269.898.564	931.665
TỔNG CỘNG	2.813.551.103	3.221.108.101
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.328.607.544	3.843.708.493
- Chi phí nhân viên	2.499.404.321	2.332.875.257
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	529.200.531	1.190.592.279
- Thuế, phí, lệ phí	345.566.367	2.100.951.925
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	292.675.883	181.392.832
TỔNG CỘNG	9.995.454.646	9.649.520.786

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí mua hàng hóa	6.881.513.708	4.598.313.881
Chi phí nhân công	4.835.605.964	5.299.607.071
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.178.499.513	1.190.592.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.385.579.848	8.232.891.444
Chi phí khác	882.190.996	2.396.638.466
TỔNG CỘNG	22.163.390.029	21.718.043.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.065.740.755	-
TỔNG CỘNG	2.065.740.755	-

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.292.685.504	12.434.776.945
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	3.458.537.101	2.486.955.389
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	73.095.969	122.089.882
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức nhận được	(90.440.000)	-
Lỗi từ các năm trước chuyển sang	(1.375.452.315)	(2.609.045.271)
Chi phí thuế TNDN	2.065.740.755	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty đã sử dụng hết khoản lỗ tính thuế lũy kế để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế (Số lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 6.877.261.578 VND). Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2018	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2018
2013 (i)	2018	1.763.928.267	(1.763.928.267)	-
2014 (i)	2019	2.329.707.311	(2.329.707.311)	-
2017 (ii)	2022	34.804.991.083	(34.804.991.083)	-
TỔNG CỘNG		38.898.626.661	(38.898.626.661)	-

(i) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(ii) Công ty đã đưa chi phí tiền thuê nhà và thuê đất, với tổng số tiền là 32.021.365.083 VND, liên quan đến giai đoạn trước khi Công ty tiến hành cổ phần hóa và đã được trả trong năm 2017 để xác định lỗ tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Khoản chi phí này chưa được Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam trước đây ghi nhận và đã được đưa vào lỗ lũy kế theo kế toán của công ty cổ phần trong giai đoạn từ ngày 27 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá rằng các khoản chi phí này đủ điều kiện để được xem là chi phí hợp lý, hợp lệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 căn cứ theo Biên bản kiểm tra thuế tại Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam đề ngày 4 tháng 8 năm 2016. Theo Biên bản này, đoàn kiểm tra của Cục thuế thành phố Hà Nội đã căn cứ theo thỏa thuận trên Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược giữa Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam với Tập đoàn VinGroup – Công ty CP và “*tạm thời không ghi tăng chi phí đối với khoản tiền còn phải trả về tiền thuê đất, thuê nhà của các địa điểm trong thời gian từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 26 tháng 4 năm 2016 mà Công ty Savina còn nợ căn cứ theo thông báo tiền thuê nhà đất của Xí nghiệp quản lý nhà quận Hoàn Kiếm*”.

Lỗ thuế ước tính của Công ty trong năm 2017 chưa được cơ quan thuế quyết toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	1.205.146.734	1.134.193.650
		Tiền thuê nhà đã thu	1.601.990.712	400.497.678
		Chi phí in sách	17.727.273	298.101.500
		Chi phí in sách đã trả	108.556.000	130.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sinh Thái ("Công ty Sinh Thái")	Công ty cùng Tập đoàn	Thu hồi gốc vay	-	46.000.000.000
		Lãi cho vay phải thu	-	20.096.611.112
		Lãi cho vay đã thu	-	20.482.000.001
Công ty TNHH Một thành viên Vinschool ("Công ty Vinschool")	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	825.778.738	787.322.452
		Ứng trước tiền mua hàng	-	257.187.060
		Tiền bán hàng đã thu	336.334.645	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: không). Việc đánh giá này được thực hiện cuối kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho thuê nhà đất	4.166.808.105	4.496.352.699
Công ty Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền bán hàng	716.519.638	227.075.545
			4.883.327.743	4.723.428.244
Phải trả người bán (Thuyết minh số 15)				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả tiền in sách	-	89.056.000
			-	89.056.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

			Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lương và thưởng			260.401.465	205.990.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.226.944.749	12.434.776.945
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.226.944.749	12.434.776.945
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	15.226.944.749	12.434.776.945
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.909.960	67.909.960
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	67.909.960	67.909.960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	224	183

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Công ty chủ yếu hoạt động trong khu vực kinh doanh là lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018:

	Kinh doanh sách	Cho thuê bất động sản đầu tư	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	9.134.546.503	5.529.245.208	14.663.791.711
Giá vốn các bộ phận	9.134.546.503	5.529.245.208	14.663.791.711
Kết quả	6.881.513.708	2.472.870.572	9.354.384.280
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận			5.309.407.431
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)			11.983.278.073
Lợi nhuận trước thuế			17.292.685.504
Chi phí thuế TNDN	2.253.032.795	3.056.374.636	2.065.740.755
Lợi nhuận thuần sau thuế			15.226.944.749
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	20.239.865.623	22.065.485.391	42.305.351.014
Tài sản không phân bổ (ii)			711.452.960.985
Tổng tài sản			753.758.311.999
Công nợ bộ phận	6.906.501.467	1.527.670.593	8.434.172.060
Công nợ không phân bổ (iii)			4.330.654.453
Tổng công nợ			12.764.826.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:

	Kinh doanh sách	Cho thuê bất động sản đầu tư	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
Doanh thu	6.151.560.863	6.378.110.851	12.529.671.714
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	6.151.560.863	6.378.110.851	12.529.671.714
Giá vốn các bộ phận	4.484.464.701	4.362.949.553	8.847.414.254
Kết quả			
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	1.667.096.162	2.015.161.298	3.682.257.460
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)			8.752.519.485
Lợi nhuận trước thuế			12.434.776.945
Chi phí thuế TNDN			-
Lợi nhuận thuần sau thuế			12.434.776.945
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	17.814.013.150	24.574.722.310	42.388.735.460
Tài sản không phân bổ (ii)			688.003.134.390
Tổng tài sản			730.391.869.850
Công nợ bộ phận			
Công nợ không phân bổ (iii)	6.141.819.152	1.898.266.226	8.040.085.378
Tổng công nợ			13.602.937.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác;
- (ii) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu khác, các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn;
- (iii) Công nợ không phân bổ bao gồm thuế và các khoản phải nộp nhà nước, phải trả người lao động, chi phí trích trước và các khoản phải trả ngắn hạn khác không phân bổ.

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất của Công ty

Công ty hiện đang sử dụng các lô đất và tài sản trên đất tại 22A, 22B Hai Bà Trưng và 50A Hàng Bài, Thành phố Hà Nội làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê văn phòng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê nhà đất tương ứng với các lô đất và tài sản trên đất nêu trên đã hết hạn và Công ty đang thực hiện việc gia hạn các hợp đồng với các cơ quan quản lý nhà nước.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại Kho Bãi Chám, huyện Đông Anh và số 2 Dịch Vọng, phố Chùa Hà, Thành phố Hà Nội để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất với cơ quan quản lý Nhà nước cho hai khu đất này.

Các khoản nợ tiềm tàng liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc

Theo Điều 1 của Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 524/GCNĐC3/01/1 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 2 năm 1993, phần vốn góp của phía Việt Nam vào Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc là quyền sử dụng đất với giá trị 1.040.000 USD. Tuy nhiên, do đây là phần vốn góp liên doanh mà Công ty được kế thừa lại từ Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa (một doanh nghiệp Nhà nước nay đã giải thể), Công ty chưa xác định được liệu Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa đã hoàn thành các nghĩa vụ về tiền sử dụng đất đối với lô đất này hay chưa, và liệu Công ty có phải chịu các nghĩa vụ về tiền sử dụng đất liên quan đến lô đất này trong trường hợp Công ty Khách sạn và Dịch vụ Văn hóa chưa hoàn thành nghĩa vụ về tiền sử dụng đất hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Minh
Người lập



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Giao Tiên Bình
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

